

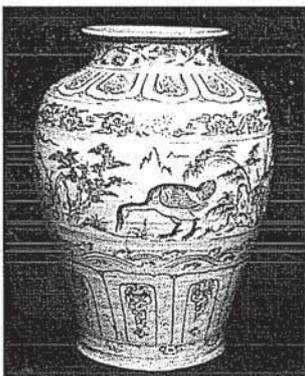
huy di sản văn hoá.

3- Giới thiệu những di sản văn hoá Việt Nam và thế giới.

4- Thông tin về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở trong nước và quốc tế.

Là cơ quan chủ quản của Tạp chí, chúng tôi nhận thức đầy đủ vinh dự, đồng thời cũng nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí Di sản Văn hoá được đều đặn xuất bản với nội dung và hình thức tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của cán bộ - công chức trong ngành và của bạn đọc. Nhưng chất lượng của Tạp chí, đặc biệt là sức sống của Tạp chí, phụ thuộc rất nhiều vào sự đóng góp công sức, trí tuệ của các cán bộ quản lý, các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn - nghiệp vụ ở trong ngành, ở các lĩnh vực liên quan, và của tất cả các cộng tác viên nhiệt tâm với Tạp chí... Vì vậy, với lực lượng cán bộ chuyên trách cho công việc xuất bản Tạp chí còn rất mỏng, kinh nghiệm báo chí lại quá ít ỏi, chúng tôi sẽ nguyện ước cùng nhau đảm trách tốt nhất nhiệm vụ mới này, đồng thời mong mỗi và đặc biệt kỳ vọng nhận được sự hợp tác, giúp đỡ tận tình của các đồng chí cùng các bạn.

Trên hành trình chung sức chung lòng quyết tâm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc, thật vui mừng khi chúng ta thường xuyên được gặp nhau tại diễn đàn này và qua diễn đàn này!



Đ.V.B

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN LĨNH, BẢN SẮC DÂN TỘC CỦA VĂN HOÁ

LƯU TRẦN TIÊU *

Trong nhiều công trình nghiên cứu và trên diễn đàn hội thảo, các nhà khoa học đã bàn nhiều về khái niệm “*Bản sắc dân tộc*”, “*Bản lĩnh dân tộc*”, “*Màu sắc dân tộc*”, “*Sắc thái dân tộc*”, “*Bản sắc dân tộc của văn hoá*”, “*Bản sắc văn hoá của dân tộc*”... Về mặt chi tiết, mỗi khái niệm đều có hàm nghĩa riêng, nhưng chúng lại

* Gs.TSKH
Thứ trưởng thường trực Bộ Văn hóa Thông tin

chúng lại có những nét tương đồng. Vì bản sắc dân tộc gắn liền với văn hoá và thường được biểu hiện thông qua văn hoá, nên cũng có thể coi là *bản sắc dân tộc của văn hoá*.

Vậy bản sắc dân tộc của văn hoá là gì? Đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau. Có thể nêu định nghĩa tổng quát như sau: *“Bản sắc dân tộc của văn hoá là tổng thể những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa vật chất và tinh thần làm nên sắc thái riêng của một dân tộc trong lịch sử và trong phát triển”*.

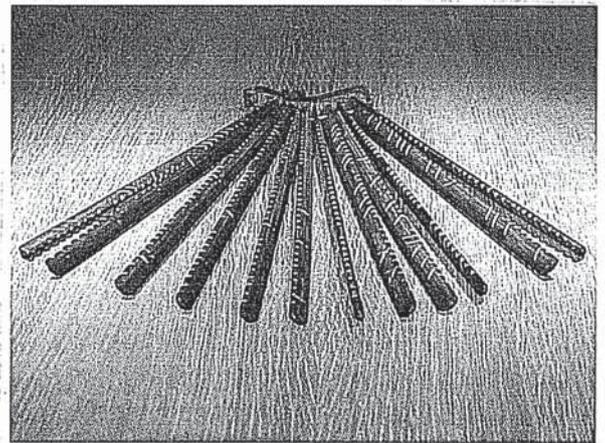
Như vậy, chúng ta có thể nhận ra bản sắc dân tộc của văn hoá gồm cả hai mặt giá trị:

Mặt giá trị tinh thần, mặt cốt lõi bên trong tạo nên sức mạnh tiềm tàng và bền vững của một dân tộc, trở thành bản lĩnh dân tộc; mặt thể hiện nét riêng biệt, độc đáo của dân tộc trong nền văn hoá nghệ thuật, trong phong tục tập quán, trong đời sống, trong sinh hoạt; nghĩa là bao gồm cả hệ giá trị tinh thần và nét đặc sắc riêng của dân tộc.

Có người cho rằng, bản sắc dân tộc của văn hoá bắt nguồn từ bản lĩnh dân tộc và trong mối quan hệ này, bản lĩnh dân tộc là nhân tố chủ đạo, có tính quyết định. Nói như vậy cũng chỉ mới nhấn mạnh một mặt. Thật ra giữa giá trị tinh thần bên trong và biểu hiện bên ngoài của bản sắc dân tộc của văn hoá có mối liên hệ khăng khít với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, cái này củng cố và thúc đẩy cái kia. Văn hoá nếu không được rèn đúc trong lòng dân tộc để có được bản lĩnh, trở thành sức mạnh tiềm tàng và bền vững thì bản sắc dân tộc của văn hoá rồi cũng sẽ phai mờ.

Ngược lại, nếu văn hoá tự mình làm mất dần đi những sắc màu riêng biệt, độc đáo của mình thì sẽ làm vơi dần đi chất keo gắn kết tạo nên sức mạnh của bản lĩnh văn hoá.

Có nhiều quan điểm khác nhau về sự hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá: người thì cho là do điều kiện địa lý tự nhiên khác nhau, hoặc có nguyên nhân từ nguồn gốc chủng tộc, những đặc trưng về tâm lý; người thì quy vào phương thức hoạt động kinh tế hoặc do sự khác nhau của nền văn hoá. Có thể có những yếu tố



Lịch tre - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

khác nhau tham gia vào việc hình thành nên bản sắc dân tộc của văn hoá, nhưng chắc chắn rằng bản sắc dân tộc của văn hoá không thể tách khỏi những yếu tố tạo thành dân tộc.

Từ một số vấn đề chung nêu trên, có nhiều người đã nêu lên những biểu hiện của bản sắc dân tộc Việt Nam như ý thức về cội nguồn, lòng yêu nước, sự gắn kết cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, khả năng thích ứng, sự khiêm nhường giản dị, trọng nghĩa tình, cần cù, nhẫn nại... Hay, như giáo sư Đỗ Huy đã khái quát, coi: *“Hệ tư tưởng là cái lõi cứng của mỗi nền*

văn hoá, văn hoá Việt Nam đã tiếp biến nhiều hệ tư tưởng khác nhau. Và nó đã tiếp biến trên cơ cấu của hệ giá trị mà lòng nhân ái là nền tảng, chủ nghĩa yêu nước là trục quy tâm, tinh thần cộng đồng là yếu tố trội và sự thích ứng là giải pháp”.

Đương nhiên, không phải mọi giá trị đều là bản sắc dân tộc của văn hoá. Vậy bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam được hội tụ và thể hiện trên những khía cạnh nào của nền văn hoá?

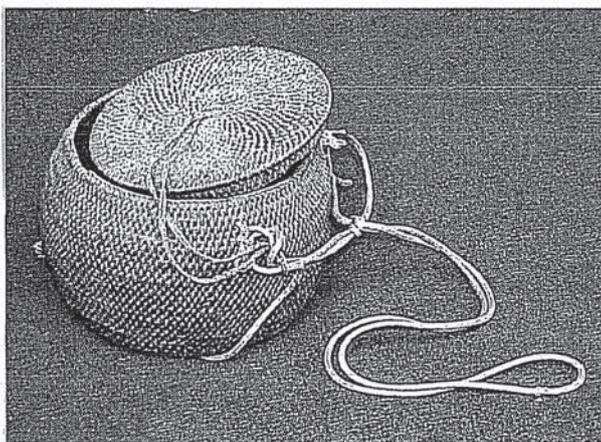
Về vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã chỉ rõ: “Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hoá dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”.

Lòng yêu nước ở dân tộc nào cũng có, nhưng đối với Việt Nam, nó mang một sắc thái rất đặc biệt, một tầm cao trí tuệ với nhân sinh quan và thế giới quan sâu sắc tạo thành sức mạnh của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng.

Biểu hiện trước hết của lòng yêu nước chính là ý thức về cội nguồn, về dân tộc có từ lâu đời và ngày càng được nâng

cao. Ý thức đó thấm đượm trong một tín ngưỡng rất đẹp và độc đáo của người Việt Nam - thờ cúng Tổ tiên trong mỗi gia đình để ghi nhớ công ơn của những người sinh thành ra mình, và điều đặc biệt hơn, độc đáo hơn, kỳ diệu hơn đó là việc cả nước thờ một ông tổ chung - Hùng Vương. Ý thức đó được phản ánh đậm đặc trong những hình tượng thần thoại, những sử thi anh hùng và truyện dân gian nói về nguồn gốc dân tộc (thần thoại họ Hồng Bàng), về con Rồng, cháu Tiên, con Hồng, cháu Lạc; về những vị thần tượng trưng cho linh khí của núi sông đất Việt (truyện thần Tản Viên, Sơn Tinh, Thủy Tinh...); về những người anh hùng (Vua Rồng xứ Lạc, Sơn Tinh, Thánh Gióng...), tự cường, tự hào về dân tộc, về nòi giống (Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi), luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên bản thân mình (Hai Bà Trưng trên đàn thề:

“Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kéo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vền vẹn sở công lênh này”
Về tài năng sáng tạo và cả những



Hiện vật trưng bày - Bảo tàng Dân Tộc Học
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

lầm lỡ do mất cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù (truyện thần Kim Quy gắn với An Dương Vương xây thành Cổ Loa và My Châu - Trọng Thủy)...

Lòng yêu nước nồng nàn, lòng tin vô bờ bến vào người dân đất Việt, vào tiền đồ dân tộc đã tạo nên hùng khí trong những áng văn bất hủ, trong bài thơ *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* của Lý Thường Kiệt; *Hịch tướng sĩ* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, *Bạch Đằng Giang phú* của Trương Hán Siêu; trong tiếng hô “đánh” ở Hội nghị Diên Hồng khi nhà vua hỏi nên hàng hay nên đánh; hai chữ “*Sát Thát*” trên cánh tay của quân sĩ thời Trần; trong câu nói: “*Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo*” của Trần Thủ Độ; trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba đình ngày 2-9-1945; trong tiếng hát của chị Võ Thị Sáu trên pháp trường; trong tiếng hô “*Nhằm thẳng quân thù mà bắn*” của anh hùng Nguyễn Viết Xuân. Một tình yêu đất nước thật cao cả nhưng lại rất khiêm nhường, bình dị, một sự hy sinh thầm lặng. Bà hàng nước ở bến đò Rừng (Bạch Đằng) lặng lẽ quan sát, cung cấp thông tin về thủy triều, góp phần vào chiến thắng oanh liệt của quân dân nhà Trần đối với quân Nguyên Mông trên khúc sông lịch sử này; Mười hai cô gái kiên trung ở Ngã ba Đồng Lộc; nhiều bà mẹ Việt Nam “*ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ*”. Có người anh hùng xuất thân từ tầng lớp thượng lưu (Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn...), cũng có tướng lĩnh xuất thân từ bình dân (Phạm Ngũ Lão), từ gia nô (Yết Kiêu, Dã Tượng...), người miền xuôi, người miền ngược, người Kinh, và người các dân tộc thiểu số (Hà Bồng, Hà Chương, anh hùng Núp...). Không ít gương anh hùng nhỏ tuổi (Trần Quốc

Toản, Kim Đông...) và đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam với tám chữ vàng: *Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang* mà Bác Hồ đã ban tặng, với tấm gương trở thành huyền thoại - Hai Bà Trưng - một hiện tượng lịch sử hiếm thấy trên thế giới ở thế kỷ đầu công nguyên. Còn biết bao nhiêu những người con của dân tộc, những anh hùng vô danh không ghi tên trong sử sách, không ghi tên trên bia đá nhưng được khắc sâu mãi mãi trong trái tim yêu nước của người dân Việt Nam. Dân tộc ta đã nhiều lần chiến thắng quân xâm lược được trang bị mạnh hơn nhiều và hiện đại hơn ta rất nhiều lần, đó không chỉ là chiến thắng của chủ nghĩa yêu nước, lòng dũng cảm, hy sinh mà còn là chiến thắng của trí tuệ Việt Nam, của sự sáng tạo trong khoa học và nghệ thuật quân sự, là chiến thắng của đường lối “*Chiến tranh nhân dân*”, “*lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo*”, hay nói cách khác là chiến thắng của nền văn hoá Việt Nam.

Sau mỗi lần cướp được nước ta, kẻ xâm lược thực hiện chính sách “chia để trị”: nhà Hán chia địa giới nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam; thực dân Pháp chia nước ta thành ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ với chế độ cai trị khác nhau. Dân tộc Việt Nam đã từng chịu nỗi đau chia cắt với sông Gianh và đôi bờ Hiền Lương. Nhưng lòng yêu nước với ý chí thống nhất và sự toàn vẹn lãnh thổ đã thắng. Giang sơn thu về một mối, chúng ta thực hiện trọn vẹn một chân lý mà trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 1-6-1946, Bác Hồ đã khẳng định như một tuyên ngôn của dân tộc:

“*Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!*”.

Hiếm có một dân tộc nào trên thế giới này trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, 10 năm Minh thuộc, 80 năm Pháp thuộc và hàng chục lần phải chống trả với các cuộc chiến tranh xâm lược, trong đó có cuộc chiến tranh tàn bạo nhất do đế quốc Mỹ gây ra, nhưng “*Ta vẫn là Ta*”. Đó chính là bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam, là bản lĩnh Việt Nam. Trong những đêm trường nô lệ, sức sống của văn hoá Việt Nam vẫn trường tồn. Chúng ta đã bảo tồn được sắc thái riêng của tiếng nói dân tộc giàu tính nhạc, tính hoạ, tính thơ, giàu tính cách và hình tượng diễn đạt. Các thế hệ người Việt Nam đã đấu tranh bền bỉ, kiên cường, bảo vệ và kế thừa thuần phong mỹ tục - phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc trước âm mưu đồng hoá về văn hoá của quân xâm lược. Những hội xuân, hội thu, hội cầu phúc, hội cầu mùa, cầu vui, cầu may, hội đèn (Hội đèn Hùng, Hội Gióng, Hội đèn Kiếp Bạc...), hội chùa (Hội chùa Hương, Hội chùa Thầy...) hội phủ (Hội Phủ Giầy, Hội Phủ Tây Hồ...), hội làng (Hội Láng, Chèm, Đông Ky...); thi ca hát, thi sức khoẻ; thờ cúng Tổ tiên, thờ cúng Thành hoàng làng, lễ gia tiên, thờ anh hùng dân tộc; Tết Nguyên đán, Tết mừng 5 tháng 5; Tết Trung thu; Lễ cưới xin, ma chay v.v... là những bông hoa muôn sắc màu trong vườn hoa in đậm bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam.

Trong tác phẩm *Văn hoá và đổi mới*, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “*Đi sâu nghiên cứu nền văn hoá Việt Nam chúng ta thấy nổi bật lên hai điểm: một là, tính cộng đồng bao gồm ba cái trục: gia đình (nhà), làng và nước; hai là, xu thế nhân văn hướng về con người và cộng đồng con người, tìm thấy ở con người những tiềm lực của những đức tính biết bao tốt đẹp với lòng mong muốn phát triển*

nó, phát huy nó”.

Sự gắn kết giữa Nhà - Làng - Nước là một cấu trúc độc đáo, đặc thù của tổ chức xã hội Việt Nam, đồng thời cũng phản ánh sắc thái văn hoá riêng có của Việt Nam. Cũng có người cho rằng mô hình Nhà - Làng - Nước truyền thống là một cản trở đối với ý thức và tinh thần dân tộc của người Việt Nam thời xưa. Tuy nhiên, ý kiến đó chỉ muốn lưu ý mặt tiêu cực của kết cấu này thôi. Về cơ bản, đây là một kết cấu xã hội có nhiều mặt tích cực cần phát huy. Bản chất của kết cấu này là sự hình thành tư tưởng cộng đồng, yêu thương, đoàn kết, đùm bọc, hoà hợp với nhau; gắn kết giữa cá nhân và tập thể, giữa cái riêng và cái chung với mối quan hệ vận mệnh “*nước mất, nhà tan*”, khi đất nước bị xâm lăng thì biết dàn xếp, gác mâu thuẫn để cùng nhau chống giặc. Thật độc đáo khi kết cấu Nhà - Làng - Nước lại được thể hiện qua ngôn ngữ ghép nhưng rất nhuần nhuyễn: “*Làng nước*”, “*Nước nhà*”. Tình thương yêu đùm bọc, san sẻ thấm đượm tình người, tình đất nước được thể hiện qua hình tượng cụ thể nhưng ý nghĩa thật sâu sắc và lớn lao biết bao: “*Nhường áo sẻ cơm*”, “*lá lành đùm lá rách*”, “*Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”, “*Thương người như thể thương thân*”...

Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình là nền tảng của giá trị văn hoá Việt Nam, là bản lĩnh văn hoá Việt Nam. Đặc điểm này được biểu hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau như quan niệm về vai trò của con người, lấy dân làm gốc; sống lương thiện và phục thiện (“*ở hiền gặp lành*”), nhận thức về trách nhiệm đối với nhau và giữa các thế hệ (“*con dại cái mang*”, “*phúc đức tại mẫu*”, “*trẻ cậy cha, già cậy con*”), sự tinh tế trong ứng xử và

cách đối nhân xử thế kể cả đối với kẻ thù. Sử sách đã ghi lại nhiều việc làm thể hiện lòng nhân đạo cao thượng của quân và dân ta, như trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, quân ta không chỉ tha cho kẻ thù bại trận mà còn cấp hàng trăm thuyền, hàng nghìn cỗ ngựa để quân Minh về nước.

Nét nổi bật của truyền thống nhân đạo Việt Nam là sự chăm lo đến thế hệ trẻ, coi trọng việc đào tạo và học hành. Triều Lý đã có công lớn đầu tiên trong việc định hình nền giáo dục khoa cử ở nước ta. Việc nhà Lý lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám (trường đại học đầu tiên của Việt Nam) từ rất sớm (thế kỷ XI), việc các thời đại chăm lo đến việc học hành và thi cử để đào tạo và lựa chọn những nhân tài và những thành tựu to lớn của nền giáo dục nước ta hiện nay là một truyền thống đẹp rất đáng tự hào của dân tộc Việt Nam, thể hiện quan điểm đúng đắn về đào tạo nguồn lực con người: “*Hiện tài là nguyên khí quốc gia*” (Thân Nhân Trung - thời Lê) và “*vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*” (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Con người được nhận

chân giá trị trở thành vị trí trung tâm, đòi khi vượt ra khỏi quan niệm thông thường: “*Con hơn cha là nhà có phúc*”, “*Người sống, đồng vàng*”, “*Người làm nên của, của không làm nên người*”.

Nhân và nghĩa ở Việt Nam gắn với nhau. Trong *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi mở đầu bằng câu: “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*”; tư tưởng: “*khoan thư sức dân*” của Trần Quốc Tuấn: “*Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước*”; coi trọng “*ý dân*”, trong *Chiếu dời đô*, Lý Công Uẩn viết: “*Trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân...*”, tất cả đều toát lên quan điểm nhân, nghĩa, của ông cha ta. Tư tưởng “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, “*lấy dân làm gốc*” ngày nay mà Đảng ta nêu lên như là sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp của các thế hệ người Việt Nam. Sự bình dị, chân tình, cởi mở, vị tha trong quan hệ giữa con người với con người là nét nổi bật trong đời sống của nhân dân chúng ta. Sử sách xưa còn ghi lại việc các nhà vua Lý, nhà Trần tự đi cày tịch điền và thường coi sóc việc gặt lúa để khích lệ dân tăng gia sản xuất.



Bình minh trên nông trang
tranh sơn mài của Nguyễn Đức Nùng

Sống nhân nghĩa, thuỷ chung, “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” là đạo lý của người Việt Nam, là bản sắc văn hoá trở thành bản lĩnh của dân tộc Việt Nam. Hàng ngàn di tích lịch sử, đền, đình... thờ cúng người có công với dân với nước; những anh hùng dân tộc; những nhà lưu niệm các chiến sĩ cách mạng; những nghĩa trang tôn vinh các anh hùng liệt sĩ; những ngôi nhà tình nghĩa... là những biểu hiện vật chất của lòng nhân nghĩa Việt Nam, nhưng giá trị tinh thần của nó còn lớn hơn nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất - là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước, lòng nhân ái, khoan dung và ý chí hoà bình Việt Nam. Người là biểu tượng mẫu mực sự kết hợp hài hoà giữa tình cảm và ý chí, giữa cá nhân, dân tộc và nhân loại. Nhân cách của Người là nhân cách Việt Nam tiêu biểu.

Tính nguyên tắc và khả năng thích ứng là hai phạm trù tưởng như đối lập nhau, nhưng với người Việt Nam, chúng lại thống nhất với nhau tạo nên thế mạnh trong lịch sử và phát triển của đất nước. Bản sắc dân tộc của văn hoá được thể hiện ở nhiều hình thức, trong đó có ngôn ngữ. Tính nguyên tắc phải giữ là sự bảo tồn và phát triển tiếng Việt, còn sự thích ứng là giải pháp để đạt mục đích đó. Trước sức cạnh tranh có tính áp đặt của chữ Hán thời phong kiến và tiếng Pháp thời thực dân, nhân dân ta không bài xích mà biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của những ngôn ngữ đó để làm phong phú tiếng Việt. Người Việt đã Việt hoá ngôn ngữ Hán thành từ ngữ Hán - Việt. Rồi từ chữ Hán đã sáng tạo ra chữ Nôm - một thành tựu văn hoá lớn của thời Lý - Trần. Chữ quốc

ngữ ra đời gắn liền với công sức tập thể của nhiều linh mục dòng Tên người Châu Âu trong đó có Alexander de Rhodes ở thế kỷ XVII. tuy nhiên, sự tiếp thu và sáng tạo của người Việt Nam là cơ sở cho phát triển của ngôn ngữ này. Đạo Phật vào Việt Nam từ thế kỷ II sau Công nguyên và người Việt tiếp nhận nó phù hợp với tín ngưỡng dân gian của mình. Nói cách khác, tính chất cơ bản của Phật giáo Việt Nam là tính dân gian. Việc thờ Bà Mây, Bà Mưa, Bà Sấm, Bà Chớp là sự kết hợp giữa Phật giáo Đại thừa với tín ngưỡng thờ Tứ pháp và truyền thống thờ Mẫu. Nhiều tín điều của Phật giáo được Việt hoá một cách sinh động thành những câu chuyện phù hợp với tâm tư tình cảm của dân tộc mình. Trong khi tiếp thu những yếu tố tương đồng với truyền thống của mình như đề cao lòng hiếu thảo với cha mẹ, lòng nhân ái... lại không chấp nhận tư tưởng trọng nam khinh nữ, coi khinh người lao động...

Bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam còn đậm nét trong các hình thức biểu hiện độc đáo ở cách ứng xử, phong cách sinh hoạt, ăn uống, trong nghệ thuật kiến trúc, hội hoạ, âm nhạc, ca dao, dân ca, lễ hội, ma chay, cưới xin, giỗ tết v.v... Vốn tài sản này, về quy mô không phải là hoành tráng, kỳ vĩ, nhưng tất cả đều chứa đựng nội dung trí tuệ sâu sắc, tinh thần tự cường, tự khẳng định mình với bản lĩnh và bản sắc riêng của mình. Nụ cười chân tình và cởi mở của người Việt Nam đôi khi thay cho lời chào hay câu xin lỗi; một ấm chè xanh người đầu làng cuối xóm đều có thể đến uống; một cháu thi đỗ là cả nhà và hàng xóm vui mừng; một người bị đau thì bao người đến thăm hỏi; chiếc bánh chưng xanh, vại dưa hành và các món ăn cùng với cách chế biến khác nhau; nghệ thuật múa rối nước và các làn điệu dân ca; ngôi

chùa, mái đình làng quê nào cũng có v.v... Tất cả đều chứa đựng một tâm hồn Việt Nam, đều in dấu sắc thái văn hoá Việt Nam. Những nét đẹp lung linh sắc màu văn hoá đó là chất men nuôi dưỡng tình quê hương đất nước, là chất keo gắn kết người Việt Nam lại với nhau. Điều này lý giải tại sao dù ở đâu, xa hay gần, dù ở trong nước hay xa Tổ quốc, người Việt Nam đều hướng về quê cha, đất tổ, đều muốn làm điều gì có ích cho quê hương.

Bản sắc dân tộc của văn hoá không phải là điều bất biến, mà nó liên tục được bổ sung và phát triển. Chính vì thế, trách nhiệm của mỗi người Việt Nam là giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong nền văn hoá nước nhà. Về vấn đề này Đảng ta luôn luôn đề ra những chủ trương đúng đắn và nhất quán. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ cần phải "*Xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*". Ngày 19-1-1993, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 25/TTg *Về một số chính sách nhằm xây dựng và đổi mới sự nghiệp văn hoá nghệ thuật*, trong đó xác định việc phát triển văn hoá nghệ thuật mang bản sắc dân tộc Việt Nam là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân. Nhà nước tạo điều kiện, xây dựng cơ sở hạ tầng và trang bị phương tiện cho việc phát triển văn hoá nghệ thuật mang bản sắc dân tộc. Quyết định cũng chỉ ra những chính sách cụ thể như đầu tư cho việc sưu tầm, chỉnh lý, biên soạn, bảo quản lâu dài, phổ biến văn học dân gian, các điệu múa, các làn điệu âm nhạc của các dân tộc, giữ gìn các nghề thủ công truyền thống, các loại nhạc dân tộc; xây dựng các tiết mục dân tộc như tuồng, chèo, dân ca, cải lương, múa rối... đồng thời khen thưởng những người có công trong việc sưu tầm và bảo tồn các giá trị

văn hoá dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã chỉ rõ: "*Phương hướng chung của sự nghiệp văn hoá nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại...*" và "*giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ...*".

Quá trình vận hành của nền văn hoá nói chung và nhận thức về bản sắc dân tộc trong văn hoá nói riêng đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần giải quyết, trong đó có mối quan hệ giữa hai cặp phạm trù: "*Giữ gìn và phát huy*" với "*Kế thừa và phát triển*" di sản văn hoá của dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, các thế hệ người Việt Nam đã sáng tạo, đồng thời cũng đã bằng nhiều công sức và tâm huyết bảo vệ và giữ gìn những giá trị tài sản văn hoá của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Chính những vốn liếng về văn hoá đó với bản sắc riêng của mình là tài sản vô cùng quý báu để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tài sản văn hoá là một thứ của quý, nhưng nếu coi nó như là sự hoài cổ thì những giá trị văn hoá đâu còn có sức mạnh bao nhiêu trong đời sống đương đại và nếu truyền thống không được tiếp thêm sức sống mới, thêm hơi thở của thời đại thì ý nghĩa của truyền thống không còn, tạo nên sự đứt mạch của truyền thống. Và như vậy, nếu như đất nước có phát triển lên được thì chắc gì *Ta đã là Ta*. Vì thế, việc phát huy tác dụng của những giá trị văn hoá trong tình hình hiện nay là rất quan trọng, nhằm

huy động sức mạnh của giá trị văn hoá truyền thống vào công cuộc xây dựng xã hội mới. Văn hoá là một dòng chảy của sáng tạo không ngừng. Bản sắc dân tộc trong văn hoá cũng không đứng yên mãi mãi, và không phải mọi tài sản văn hoá đều có giá trị như nhau và đều “cập nhật” với yêu cầu của đời sống hiện tại. Chính vì thế phải kế thừa có chọn lọc di sản văn hoá, truyền thống dân tộc để bảo vệ và phát huy nó trong điều kiện mới. Đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, nghĩa là làm cho bản sắc dân tộc trong văn hoá mang rõ tính thời đại. Cái khó không phải là ở nhận thức về mối quan hệ giữa “giữ gìn và phát huy” với “kế thừa và phát triển”. Cái khó là ở chỗ phát huy như thế nào, kế thừa cái gì và phát triển theo hướng nào, cách nào?

Để giữ gìn - phát huy và kế thừa - phát triển giá trị văn hoá truyền thống thì nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là công tác giáo dục. Như Bác Hồ đã dạy: *Tinh thần yêu nước cũng như các của quý có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của ta là làm sao cho những cái của kính báu ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.* Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái trọng nghĩa tình; đức tính cần cù sáng tạo, giản dị, tinh tế trong ứng xử v.v... có được ở mỗi con người không thể tách

rời môi trường giáo dục và xã hội, mà trước hết là giáo dục từ gia đình. Những lời ru của mẹ:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

*Người trong một nước thì thương nhau
cùng*

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Và những hành động, việc làm mẫu mực của người cha chắc chắn đã là bài học đầu tiên về nhân cách cho trẻ thơ. Sau giáo dục gia đình là giáo dục nhà trường. Đây là môi trường rất quan trọng định hình tư chất, nhân cách của các em. Việc giáo dục một cách toàn diện và có chất lượng những kiến thức về sử học, về truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, về văn hoá học, về mỹ học v.v... góp phần hình thành tài - đức cho lớp trẻ. Các phương tiện thông tin đại chúng cũng là công cụ quan trọng trong việc giáo dục cộng đồng trên lĩnh vực này. Chúng ta đã và đang phải trả giá cho việc coi nhẹ hoặc chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục trong nhà trường những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, nhân cách..., trong đó có vấn đề bản sắc dân tộc trong văn hoá. Giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hoá trước hết là giữ gìn tâm hồn Việt Nam, phải làm cho bản sắc dân tộc của văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động, phải gắn liền với việc xây dựng đời sống văn hoá - tinh thần phong phú trong nhân dân, phải làm cho bản sắc dân tộc của văn hoá thấm đượm trong mọi tâm hồn sáng tạo. Đồng thời trong xu thế toàn cầu hoá như hiện nay, cần phải giải quyết một cách

nhảy bén theo truyền thống Việt Nam mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hoá với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Bên cạnh công tác giáo dục và tăng cường về nhận thức, việc xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách nhằm bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong quá trình xây dựng nền văn hoá mới là rất cần thiết. Cần xây dựng quy chế về khen thưởng đối với những người có công trong lĩnh vực hoạt động này. Cần quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, đặc biệt là tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá, các ngành nghề truyền thống, giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân gian, vì những tài sản văn hoá này chứa đựng đầy đủ nhất tinh hoa, bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam, có khả năng thấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc, mang tính cộng đồng và dân chủ hoá cao, tổng hòa cả ba hoạt động: sáng tạo, tiếp nhận và lưu truyền bản sắc dân tộc của văn hoá. Khuyến khích việc truyền dạy và khôi phục các ngành

nghề truyền thống. Hướng dẫn nhân dân các dân tộc khôi phục có chọn lọc các sinh hoạt văn hoá cổ truyền mang bản sắc riêng của mình nhằm góp phần thúc đẩy việc tiếp nối và phát triển văn hoá dân tộc.

Người ta thường nói mất bản sắc dân tộc trong văn hoá là mất tất cả. Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc, ông cha ta đã kiên cường, thông minh bảo vệ và chuyển giao cho chúng ta những di sản vô giá của nền văn hoá Việt Nam thống nhất mà đa dạng với bản sắc độc đáo trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Ngày nay, với bản lĩnh của mình, các thế hệ người Việt Nam nhất định sẽ bảo vệ, kế thừa và phát triển lên một tầm cao, một chất lượng mới những giá trị văn hoá mà ông cha để lại, tạo nên nền tảng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước./.

L.T.T

